TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HS-ST
Ngày: 26-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dong

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Bằng

2. Bà Nông Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng đối với bị cáo:

Nông Văn N(tên gọi khác: Không); Sinh ngày 09 tháng 3 năm 2001 tại xã M, huyện H (nay là xóm N, xã L, tỉnh Cao Bằng); Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm N, xã L, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đoàn thể, Đảng phái: Đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt theo Quyết định số: 01-QĐ/UBKTĐU ngày 16/7/2025 của Đảng uỷ xã L, tỉnh Cao Bằng; Con ông Nông Văn T, sinh năm 1972 và bà Mã Thị B, sinh năm: 1977; Cùng trú tại: Xóm N, xã L, tỉnh Cao Bằng; Vợ: Ma Thị Nhật L, trú tại: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Cao Bằng); Con: chưa có; Anh chị em ruột: Có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án; Tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2025 đến nay. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nông Văn D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng; (Có mặt)

Bị hại: Chị Lục Hồng N; sinh năm: 2002; (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Cao Bằng

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

- Lục Văn H; sinh năm: 1977; (Có mặt)
- Hoàng Thị X; sinh năm: 1973; (Có mặt)

Cùng trú tại: Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Cao Bằng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Dạ T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng; (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Ma Thị N; sinh năm: 2000; (Có mặt)

Nơi cư trú: Xóm N, xã Lý Q, tỉnh Cao Bằng

Người làm chứng

- Ông Trương Văn T; sinh năm: 1970; (Có mặt)
- Bà Hoàng Thị V; sinh năm: 1943; (Có mặt)

Cùng trú tại: Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Cao Bằng

- Bà Lục Thu H; sinh năm: 1997; (Vắng mặt không có lý do)
- Ông Trần Ngọc Q; sinh năm: 1992; (Vắng mặt có lý do)

Cùng trú tại: Tổ dân phố C, phường T, tỉnh Cao Bằng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua công tác nắm tình hình và tiếp nhận thông tin từ quần chúng nhân dân, Công an xã H, thành phố Cao Bằng (nay là Công an phường T, tỉnh Cao Bằng) phát hiện Lục Hồng N (sinh năm: 2002, trú tại: xóm H, xã H, thành phố Cao Bằng. Nay là: Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Cao Bằng) là người bị người bị khuyết tật trí tuệ mức độ nặng đang bị 01 (một) đối tượng sử dụng các thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tiền nên đã phối hợp cùng gia đình theo dõi N. Đến 16 giờ 45 phút ngày 11/6/2025 tại khu vực xóm H, xã H, thành phố Cao Bằng (nay là tổ dân phố H, phường T, tỉnh Cao Bằng) Công an xã H, thành phố Cao Bằng (nay là Công an phường T, tỉnh Cao Bằng) bắt quả tang Nông Văn N1 (sinh năm: 2001; Trú tại: tổ 01, phường Đ, thành phố Cao Bằng. Nay là tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Cao Bằng) có hành vi chiếm đoạt tiền của Lục Hồng N. Vật chứng thu giữ:

+ Tiền Việt Nam: 5.000.000đ (năm triệu đồng), thu giữ khi N1 vừa nhận số tiền trên từ N và cho vào túi quần bên trái N1 đang mặc;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSX màu đen đỏ, biển kiểm soát 23K-04334, xe cũ đã qua sử dụng;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A52, có sim số 0376267596, số IMEI 1: 359461651128887; số IMEI1: 359889271128889.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng tháng 3/2025 Nông Văn N1 sử dụng tài khoản facebook mang tên "Anh Ngọc" đăng nhập trên ứng dụng facebook life đăng bài với nội dung: *"Tài khoản có 1 triệu nhận 5tr; 2tr nhận 10tr; 5tr nhận 20tr. K chuyển hay nạp gì cả. Có tiền trong tài khoản là nhận luôn nhé. Quan tâm nhắn tin em hướng dẫn"* rồi kết bạn, gửi ngẫu nhiên tin nhắn trên cho nhiều người nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của họ. Khi đó, Lục Hồng N sử dụng tài khoản face book "Hoa Sầu" đã đồng ý kết bạn, nhắn tin với N1. Quá trình nhắn tin với N, N1 hứa hẹn khi N chuyển tiền cho thì N1 sẽ gửi cho một người tên là "Trâm" (do N1 tự nghĩ ra) để người này đi lấy tiền lãi và chuyển cho N. Để N tin tưởng, N1 đã tham gia vào nhóm "làm Fake bill, chuyển khoản" trên facebook và nhờ một người trong nhóm tạo hình ảnh tài khoản ngân hàng Vietinbank tên "LUC HONG N" có số dư là 165.200.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) rồi gửi cho N xem, đồng thời N1 nhiều lần nhắn tin cho N với nội dung tài khoản ngân hàng bị lỗi, cần nạp thêm tiền mới có thể lấy tiền trong tài khoản về. Do tin tưởng N1 nên N đã nhiều lần mượn tiền bà nội là Hoàng Thị V (sinh năm: 1943; Trú tại: xóm H, xã H, thành phố Cao Bằng. Nay là Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Cao Bằng) rồi nhờ người khác chuyển khoản hoặc N trực tiếp đưa tiền mặt cho N1. Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2025 đến tháng 6/2025, N1 đã thực hiện 14 (mười bốn) lần chiếm đoạt tiền của N với tổng số tiền 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng). Cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng tháng 3/2025, tại khu vực trước cổng Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, thành phố Cao Bằng (nay là phường T, tỉnh Cao Bằng) N đưa thẻ ngân hàng và cung cấp mật khẩu thẻ ngân hàng của N cho N1 rồi N1 đi rút được số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

- Lần thứ hai: Khoảng tháng 3/2025, tại khu vực trước cổng UBND xã H, thành phố Cao Bằng (nay là phường T, tỉnh Cao Bằng), N 02 (hai) lần đưa tiền mặt cho N1 trong ngày với tổng số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Lần thứ ba: Khoảng đầu tháng 4/2025, tại khu vực trước cổng trường cấp 2 Cao Bình thuộc xã H, thành phố Cao Bằng (nay là phường T, tỉnh Cao Bằng) N đưa cho N1 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Lần thứ tư: Khoảng tháng 4/2025 tại khu vực trước cổng UBND xã H thành phố Cao Bằng (nay là phường T, tỉnh Cao Bằng) N đưa cho N1 số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

- Lần thứ năm: Ngày 28/4/2025, N đưa tiền mặt cho Lục Thu H (sinh năm: 1997, trú tại: Phố C, xã H, thành phố Cao Bằng. Nay là: Phố C, phường T, thành phố Cao Bằng) rồi nhờ H chuyển khoản vào tài khoản Vietinbank của N1 số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

- Lần thứ sáu: Khoảng đầu tháng 5/2025, tại khu vực trước cổng UBND xã H thành phố Cao Bằng (nay là phường T, tỉnh Cao Bằng) N đưa cho N1 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

- Lần thứ bẩy: Ngày 14/5/2025, N chuyển khoản vào tài khoản Vietinbank của N1 số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng)

- Lần thứ tám: Ngày 22/5/2025, N đưa tiền mặt cho Trần Ngọc Q (sinh năm: 1992, trú tại: Phố C, xã H, thành phố Cao Bằng. Nay là: Phố C, phường T, tỉnh Cao Bằng) rồi nhờ Q chuyển khoản vào tài khoản Vietinbank của N1 số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)

- Lần thứ chín: Ngày 27/5/2025, N đưa tiền mặt cho Lục Thu H và nhờ H chuyển tiền vào tài khoản Vietinbank của N1 số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

- Lần thứ mười: Ngày 28/5/2025, N chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng Vietinbank của N1 số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

- Lần thứ mười một: Vào khoảng cuối tháng 5/2025, tại khu vực trước cổng trường cấp 2 C, thuộc xã H, thành phố Cao Bằng (nay là phường T, tỉnh Cao Bằng) N đưa cho N1 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Lần thứ mười hai: Sau lần thứ mười một đưa tiền cho N1, vào ngày hôm sau cũng tại khu vực trước cổng trường cấp 2 C, thuộc xã H, thành phố Cao Bằng (nay là phường T, tỉnh Cao Bằng) N đưa cho N1 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

- Lần thứ mười ba: Ngày 01/6/2025, N chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng Vietinbank của N1 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

- Lần thứ mười bốn: Ngày 11/6/2025, N mượn của Trương Văn T (sinh năm: 1970; trú tại: xóm H, xã H, thành phố Cao Bằng. Nay là: Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Cao Bằng) số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) rồi đến khu vực trước cổng UBND xã H, thành phố Cao Bằng thuộc xóm H, xã H, thành phố Cao Bằng (nay là tổ dân phố H, phường T, tỉnh Cao Bằng) gặp N1. Khi N1 vừa nhận số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) từ N thì bị Công an xã H, thành phố Cao Bằng (nay là Công an phường T, tỉnh Cao Bằng) bắt quả tang và thu giữ các vật chứng như đã nêu ở trên.

Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được từ N, Nông Văn N1 đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Đối với số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) thu giữ khi bắt quả tang Nông Văn N1, xét thấy việc trả lại không ảnh hưởng tới quá trình giải quyết vụ án nên ngày 25/8/2025 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã trả lại số tiền trên cho Lục Hồng N.

Bản cáo trạng số: 29/CT-VKSKV 1 ngày 09/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Văn N1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn N1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Đ

iều 51; điểm g, k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Hoàn trả xe cho bà Ma Thị Nhật L, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX màu đỏ đen biển kiểm soát 23K -043.34.

Tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A52, màu đen, có sim số 0376.267.596, số Imei1: 359461651128887, số Imei2: 359889271128889.

- Về án phí: Bị cáo là hộ nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí nên cần miễn án phí cho bị cáo.

Luận cứ của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với các căn cứ đề nghị của đại diện viện kiểm sát đã trình bày tại phiên tòa, không có ý kiến gì tranh luận về tội danh cũng như mức hình phạt. Tại Phiên toà Bị cáo đã thừa nhận về hành vi phạm tội của mình và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ. Do bị cáo cần tiền trang trải cuộc sống, suy nghĩ chưa được hết hậu quả hành vi nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại xong và bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g, k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Đề nghị cho bị cáo được hưởng án thấp nhất theo mức đề nghị của Viện kiểm sát. Về xử lý vật chứng nhất trí với quan điểm của VKS. Về án phí: Bị cáo là hộ nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí nên cần miễn án phí cho bị cáo căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 quy định về án phí lệ phí toà án miễn án phí cho bị cáo,

Luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Nhất trí với các căn cứ đề nghị của đại diện viện kiểm sát đã trình bày tại phiên tòa, không có ý kiến gì tranh luận về tội danh. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Tuy nhiên, bị cáo đã tác động gia đình thực hiện việc bồi thường dân sự cho bị hại xong và bị hại có đơn xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị hại không có yêu cầu gì thêm. Đề nghị hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo mức mà Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh cũng như mức hình phạt. Tuy nhiên, trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị

Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội trở lại với cộng đồng là công dân lương thiện có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo đã thực hiện, tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, xác định được như sau: Do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 3/2025 đến tháng 6/2025, Nông Văn N1 đã dùng thủ đoạn gian dối để thực hiện 14 (mười bốn) lần chiếm đoạt của Lục Hồng N tổng số tiền 85.000.000đ *(tám mươi lăm triệu đồng)*. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được, bị cáo đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2025 đến tháng 6/2025 bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để thực hiện 14 (mười bốn) lần chiếm đoạt của bị hại Lục Hồng N tổng số tiền 85.000.000đ (*Tám mươi năm triệu đồng*). Hành vi của bị cáo là rõ ràng, bị bắt trong trường hợp bắt người phạm tội quả tang. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Cao Bằng đã truy tố là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

*"**Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản***

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

....

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

....”

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhất là người bị khuyết tật trí tuệ mức độ nặng nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý, bị cáo dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng sự tin tưởng của bị hại để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

Xét về nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; đồng thời bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000đ *(Tám mươi triệu đồng)* và bị hại có đơn xin giảm nhẹ mức hình phạt. Do vậy, bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã thực hiện 13 (mười ba) lần chiếm đoạt tiền của bị hại là người bị khuyết tật trí tuệ mức độ nặng với số tiền mỗi lần đều từ 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* trở lên nên phải chịu 02 tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Phạm tội đối với người khuyết tật nặng quy định tại điểm g, k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về quyết định hình phạt chính: Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, xét thấy áp dụng hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Mức đề nghị hình phạt của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét tài sản tiền đã được trả lại cho bị hại, bản thân bị cáo hiện nay đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Liên quan đến vụ án này, quá trình điều tra xác định ngoài thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì N1 còn thực hiện hành vi đánh bạc trên

trang web http://m.king8857.com. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chỉ thu thập được lịch sử đặt cược vào ngày 01/6/2025, không phát hiện lịch sử nạp rút tiền của tài khoản đánh bạc. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý N1 về hành vi đánh bạc.

[8] Về Trách nhiệm dân sự: Xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường dân sự cho bị hại Lục Hồng N, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Cao Bằng số tiền 80.000.000đ *(Tám mươi triệu đồng)* tại biên bản thoả thuận ngày 06/8/2025. Tại phiên toà, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên hội đồng xét xử không đặt vấn để xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX màu đỏ đen biển kiểm soát 23K -043.34, số khung RLHJA321XEY053998, số máy JA32E1096650 01 gương chiếu hậu bên trái bị vỡ nứt, xe đã qua sử dụng (xe có só khung, số máy trùng khớp với phiếu trả lời xác minh xe này 16/7/225 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Cao Bằng). Do chiếc xe máy BKS 23K1- 043.34 HONDA Wave RSX là của ông Ma Văn Tiền là bố vợ cùa bị cáo giao cho con gái Ma Thị Nhật L trước thời điểm kết hôn với bị cáo và chiếc xe này chỉ là phương tiện đi lại không thực hiện vào việc phạm tội nên cần hoàn trả lại xe cho bà L là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG A 52, màu đen, có sim số 0376.267.596, số Imei 1:359461651128887, số Imei 2:359889271128889 (theo quyết định chuyển vật chứng), điện thoại cũ đã qua sử dụng. Do điện thoại không bật được nguồn nên không kiểm tra thực tế được số IMEI bên trong máy khi bàn giao. Bị cáo dùng điện thoại vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, phát mại để sung công quỹ nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo là hộ nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí nên cần miễn án phí cho bị cáo. Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 quy định về án phí lệ phí toà án miễn án phí cho bị cáo là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[11] Xét thấy, luận cứ của người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại bà Nguyễn Thị Dạ T là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt của bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại người đại diện hợp pháp cho bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g, k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 , khoản 2 Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với bị cáo.

Tuyên bố:

1. Về tội danh: Bị cáo Nông Văn N1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Văn N1 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/6/2025. Quyết định tạm giam bị cáo sau phiên toà để đảm bảo việc Thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về Trách nhiệm dân sự: Xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường dân sự cho bị hại bà Lục Hồng N, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Cao Bằng số tiền 80.000.000đ *(Tám mươi triệu đồng)* tại biên bản thoả thuận ngày 06/8/2025. Tại phiên toà, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên hội đồng xét xử không đặt vấn để xem xét.

4. Về xử lý vật chứng:

- Hoàn trả cho bà Ma Thị Nhật L, trú tại: Tổ dân phố DD, Phường T, tỉnh Cao Bằng: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX màu đỏ đen biển kiểm soát 23K -043.34, số khung RLHJA321XEY053998, số máy JA32E1096650, 01 gương chiếu hậu bên trái bị vỡ nứt, xe đã qua sử dụng (xe có số kkhung, số máy trùng khớp với phiếu trả lời xác minh xe ngày 16/7/2025 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Cao Bằng).

- Tịch thu, phát mại để sung công quỹ nhà nước: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A52, màu đen, có sim số 0376.267.596, số Imei 1:359461651128887, số Imei 2:359889271128889 (theo quyết định chuyển vật chứng), điện thoại cũ đã qua sử dụng. Do điện thoại không bật được nguồn nên không kiểm tra thực tế được số IMEI bên trong máy khi bàn giao.

Xác nhận số vật chứng này hiện nay đang được tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 125 ngày 10/9/2025.

5. Về án phí: Bị cáo Nông Văn N1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; Bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần liên quan của bản án trong thời hạn 15 này kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại;NBVQVLIHP cho bị hại;
- Người ĐD hợp pháp của bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- UBKTĐU xã L, tỉnh CB;
- Trại tạm giam Công an tỉnh CB;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 1- Cao Bằng;
- VKS nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng THADS KV 1 -Cao Bằng;
- THADS tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dong